

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG NỀN KINH TẾ SỐ

★ TS TRẦN THỊ HẰNG

Viện Kinh tế,

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

★ ThS NGUYỄN THỊ MINH HIỀN

Đại học Sư phạm Thái Nguyên

● **Tóm tắt:** Trong thời kỳ Cách mạng 4.0, các phương thức hoạt động kinh tế các quốc gia trên thế giới đều có sự thay đổi mạnh mẽ, và Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ. Các trao đổi hàng hóa, dịch vụ giữa cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp bắt đầu dựa trên ứng dụng công nghệ số. Để thích ứng với nền kinh tế chuyển đổi sang kinh tế số, Nhà nước cũng phải đổi mới mô hình và cách thức áp dụng công nghệ số trong quản lý kinh tế.

● **Từ khóa:** quản lý nhà nước, kinh tế số.

1. Một số vấn đề về kinh tế số

Kinh tế số là “một nền kinh tế vận hành chủ yếu dựa trên công nghệ số”, đặc biệt là các giao dịch điện tử tiến hành thông qua Internet. Kinh tế số hiện diện trên tất cả các lĩnh vực và nền kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ; sản xuất, phân phối, lưu thông hàng hóa, giao thông vận tải, logistic, tài chính ngân hàng,...) mà công nghệ số được áp dụng⁽¹⁾.

Về bản chất, đây là các mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của nền kinh tế dựa trên ứng dụng công nghệ số. Lĩnh vực công nghệ kỹ thuật số phát triển đã mở đường cho sự đổi mới và phát triển trên toàn cầu. Việc áp dụng những tiến bộ công nghệ trong nhiều năm qua đã tác động vào các ngành kinh doanh cũng như mọi khía cạnh của cuộc sống. Công nghệ số thúc đẩy nhiều ngành kinh

doanh cải tiến mô hình phát triển, tạo ra nhiều ngành công nghiệp mới và xóa mờ đường biên giới địa lý.

Những biểu hiện của công nghệ số xuất hiện ở mọi lúc, mọi nơi trong đời sống xã hội, như các trang thương mại điện tử, quảng cáo trực tuyến hay các ứng dụng về ăn uống, vận chuyển, giao nhận,... cũng tích hợp công nghệ số để đáp ứng nhu cầu thuận tiện cho khách hàng. Nhưng ở tầm vi mô hơn, kinh tế số cũng có những đóng góp không nhỏ trong sự hội nhập của các doanh nghiệp Việt Nam vào chuỗi công nghệ toàn cầu.

Đặc trưng của kinh tế số là có thể được tập hợp trong 3 quá trình xử lý chính đan xen với nhau, bao gồm: xử lý vật liệu; xử lý năng lượng; xử lý thông tin. Trong đó, xử lý thông tin đóng vai trò quan trọng nhất, và cũng là lĩnh vực dễ số hóa nhất.

Tính kết nối giữa các chủ thể và chu trình kinh tế nhờ vào các thành tựu của công nghệ thông tin và Internet giúp kết nối hóa các nguồn lực, lược bỏ nhiều khâu trung gian và tăng cơ hội tiếp cận chuỗi giá trị toàn cầu.

Các nước phát triển phương Tây - nơi khởi nguồn và là mảnh đất chính cho sự bùng nổ công nghệ thông tin, đặc biệt trong thập niên 2000-2010 (Google, Amazon, Facebook, Apple đều đột khởi trong khoảng thời gian này), đã nhận thức được tầm quan trọng của việc thúc đẩy kinh tế số.

Theo sau Mỹ, châu Âu tiếp bước với tầm nhìn và kế hoạch cho một "Single Digital Market" (tạm hiểu là một thị trường số thống nhất), Úc có "Digital Australia", và Singapore nêu cao khẩu hiệu "Smart Nation" (quốc gia thông minh) lấy công nghệ làm cốt lõi... Digital Nation - quốc gia số - trở thành tầm nhìn và mục tiêu, để từ đó các chính phủ xây dựng các chiến lược chuyển đổi số quốc gia, tạo động lực phát triển mới cho nền kinh tế, hòng không bị bỏ lại đằng sau trong cuộc cạnh tranh khốc liệt trên một thị trường toàn cầu.

Nền kinh tế số hiện có trị giá hơn 3.000 tỷ USD và sử dụng xấp xỉ 10% năng lượng điện của toàn thế giới⁽²⁾. Các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần và mọi quy mô đang gia tăng sự phụ thuộc vào nền tảng internet an toàn, ổn định và đáng tin cậy, giúp họ thực hiện những hoạt động vận hành hàng ngày.

Nhờ có nền kinh tế số mà hiệu suất kinh tế đạt được nhiều thành quả cao, các ngành công nghiệp có bước chuyển biến đột phá trong mô hình kinh doanh, từ thương mại điện tử, quảng cáo trực tuyến trên các trang mạng xã hội (Facebook, instagram), giải trí (Netflix, Pinterest), đến giao thông vận tải (Uber, Grab, goViet) đến phân phối, bán buôn và bán lẻ

(Lazada, Shoppe)... Đã xuất hiện những mô hình kinh doanh hoàn toàn khác biệt so với truyền thống như các hãng truyền thông toàn cầu nhưng không sở hữu quyền tác giả của một tin tức nào, hãng taxi toàn cầu nhưng không sở hữu chiếc xe nào, hãng khách sạn toàn cầu nhưng không sở hữu phòng khách sạn nào... đã và đang góp phần định hình nên một thời đại kinh tế mới, thời đại của kinh tế số". Vì trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghệ 4.0 trên toàn cầu thì đó chính là những đóng góp của kinh tế số hóa đối với các doanh nghiệp Việt để từng bước tham gia vào chuỗi công nghệ toàn cầu. Việt Nam cũng phải hòa nhịp cùng guồng quay kỹ thuật số của thế giới. Vậy nước ta đang ở vị trí nào trong nền kinh tế số hóa và cần làm gì để phát triển kinh tế số hóa, hòa nhập vào guồng quay đó?

Trong một nghiên cứu của Trung tâm kinh doanh toàn cầu của Đại học Tufts (Mỹ) đã cho thấy hiện nay Việt Nam đang đứng ở vị trí 48/60 quốc gia có tốc độ chuyển đổi kinh tế số hóa nhanh trên thế giới, đồng thời đứng ở vị trí 22 về tốc độ phát triển số hóa⁽³⁾. Những con số này đã chứng tỏ sự thay đổi lớn trong mô hình kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam, là bước ngoặt giúp kinh tế - xã hội Việt phát triển lên một tầm cao mới.

Bên cạnh đó theo các chuyên gia thì Việt Nam đang sở hữu lợi thế về nguồn lực con người và sự ủng hộ của Chính phủ. Bởi vậy tạo ra làn sóng, động lực quốc gia về phát triển kinh tế số là hướng đi mà Việt Nam có thể đẩy mạnh phát triển kinh tế số hóa mạnh mẽ hơn nữa.

2. Quản lý nhà nước trong nền kinh tế số ở Việt Nam hiện nay

a. Xác định 3 trụ cột chính của nền kinh tế số Việt Nam

Nhiều chuyên gia cho rằng cần xây dựng nền kinh tế số Việt Nam xung quanh 3 trụ cột chính.

Trụ cột thứ nhất, là hạ tầng và dịch vụ số bao gồm hạ tầng cứng và mạng lưới viễn thông làm nền tảng để tạo ra hạ tầng mềm là dịch vụ số giúp tối ưu các hoạt động của nền kinh tế.

Trụ cột thứ hai là tài nguyên số bao gồm hệ sinh thái dữ liệu và tri thức mở có ích cho việc dự đoán kịp thời và ra quyết định mang lại hiệu quả kinh tế cao. Hiện nay các cơ sở dữ liệu quốc gia về nông nghiệp, tài chính, dân cư, quản lý đất đai... chưa được thực hiện hoàn thiện. Dữ liệu các dịch vụ công trực tuyến hiện vẫn chưa liên thông ở các sở ngành, địa phương nên chưa phát huy được tính thống nhất và chia sẻ thông tin, vì vậy người dân khi làm dịch vụ công thường phải khai báo thông tin nhiều lần cho mỗi dịch vụ.

Trụ cột thứ ba là chính sách chuyển đổi số, bao gồm các dịch vụ, chính sách chuyển đổi từ Chính phủ điện tử sang Chính phủ số, chính sách đào tạo nhân lực số chất lượng cao, chính sách đầu tư kinh doanh số, chính sách an toàn thông tin, chủ quyền số và sở hữu trí tuệ.

Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc cũng cho rằng, việc xây dựng Chính phủ điện tử phải gắn liền với vai trò của người đứng đầu, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính, bảo đảm thực thi hiệu quả. Do vậy, Việt Nam đang thiết lập Ủy ban quốc gia về Chính phủ điện tử do Thủ tướng Chính phủ là Chủ tịch trực tiếp chỉ đạo; các thành viên Ủy ban là Phó Thủ tướng, Bộ trưởng các bộ liên quan trực tiếp tới các nhiệm vụ trong xây dựng Chính phủ điện tử, đồng thời có sự tham gia của đại diện cho khu vực tư nhân để phát huy hiệu quả hợp tác công-tư trong triển khai thực hiện nhiệm vụ này.

b. Hành động của Chính phủ Việt Nam

Từ những năm 2000, Đảng, Nhà nước ta luôn quan tâm, coi trọng phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, xác định đây là động lực góp phần thúc đẩy công cuộc đổi mới tạo khả năng đi tắt, đón đầu để thực hiện thắng lợi công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Năm 2014, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 36-NQ/TW về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế với quan điểm: *"Ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin trong tất cả các lĩnh vực, song có trọng tâm, trọng điểm. Ưu tiên ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính, cung cấp dịch vụ công, trước hết là trong lĩnh vực liên quan tới doanh nghiệp, người dân như giáo dục, y tế, giao thông, nông nghiệp..."*. Nghị quyết đã xác định mục tiêu cụ thể đến năm 2020 *"triển khai có hiệu quả chương trình cải cách hành chính, gắn kết chặt chẽ với việc xây dựng Chính phủ điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ cao và trong nhiều lĩnh vực"*. Cụ thể hóa chủ trương của Đảng, năm 2015, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết đầu tiên tập trung về Chính phủ điện tử nhằm *"Đẩy mạnh phát triển Chính phủ điện tử, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn. Nâng vị trí của Việt Nam về Chính phủ điện tử theo xếp hạng của Liên Hợp quốc. Công khai, minh bạch hoạt động của các cơ quan nhà nước trên môi trường mạng"*.

Một trong những mục tiêu đề ra tại Nghị quyết 36a/NQ-CP của Chính phủ về Chính phủ điện tử là *"đến hết năm 2017, Việt Nam nằm trong nhóm 3 quốc gia đứng đầu ASEAN về chỉ số dịch vụ công trực tuyến (OSI) và chỉ*

số phát triển Chính phủ điện tử (EDGI) của Liên Hợp quốc”.

Trên cơ sở đó, các bộ, ngành, địa phương đã có nhiều cố gắng và đạt được những kết quả bước đầu quan trọng làm nền tảng trong triển khai xây dựng Chính phủ điện tử. Hành lang pháp lý trong ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính phủ điện tử đã dần được thiết lập. Một số cơ sở dữ liệu mang tính chất nền tảng thông tin như Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia đang được xây dựng và đã có những cấu phần đi vào vận hành. Các cơ quan nhà nước đã cung cấp một số dịch vụ công trực tuyến thiết yếu cho doanh nghiệp và người dân như: đăng ký doanh nghiệp, kê khai thuế, nộp thuế, hải quan điện tử, bảo hiểm xã hội... Một số bộ, ngành đã xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng. Tại một số địa phương, hệ thống thông tin một cửa điện tử được đưa vào vận hành, dần nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm của đội ngũ công chức. Chất lượng nhân lực về công nghệ thông tin của Việt Nam cũng đã được quan tâm.

Việc thực hiện Chính phủ điện tử trong thời gian qua đã tạo nên những thay đổi quan trọng, mang tính hệ thống hơn. Việt Nam đã có những hệ thống mang tính quốc gia như hệ thống hải quan, thuế, đăng ký doanh nghiệp... Đối với hệ thống quản lý văn bản - cốt lõi của Chính phủ điện tử, tính đến quý I/2017, đã có 26/30 bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoàn thành kết nối liên thông phần mềm quản lý văn bản với Văn phòng Chính phủ, hình thành một hệ thống quản lý văn bản điện tử thống nhất, thông suốt từ

trung ương đến địa phương, cho phép tự động nhận biết được trạng thái xử lý văn bản giữa các cơ quan⁽⁴⁾.

Văn phòng Chính phủ về cơ bản hoàn thiện liên thông văn bản điện tử với UBND thành phố Hồ Chí Minh, đây sẽ là mô hình mẫu để mở rộng ra toàn quốc. Tiếp theo, Văn phòng Chính phủ sẽ tiếp tục triển khai, hoàn thành liên thông với 7 bộ, ngành, địa phương là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thanh tra Chính phủ, các tỉnh/thành phố: Đà Nẵng, Quảng Ninh, Bắc Ninh, Long An, Đồng Nai.

Bên cạnh đó, đối với việc công khai tiến độ hồ sơ, 63/63 tỉnh, thành phố và 19/30 bộ, ngành đã công khai tiến độ xử lý hồ sơ trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ. Văn phòng Chính phủ cũng công khai việc xử lý văn bản của lãnh đạo Văn phòng Chính phủ, lãnh đạo Chính phủ.

Về cung cấp dịch vụ công trực tuyến, trong tổng số 83 dịch vụ công trực tuyến giao cho 20 bộ, ngành, đến nay, các bộ, ngành đã triển khai thực hiện 78/83 dịch vụ công trực tuyến; trong tổng số 44 dịch vụ công trực tuyến giao cho các địa phương, đến nay có 32/63 địa phương đã triển khai thực hiện⁽⁵⁾.

Mặc dù bước đầu đã đạt được một số kết quả khả quan, nhưng vẫn còn nhiều thách thức, khó khăn trong lộ trình xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử để có thể hoàn thành được các nhiệm vụ đã đề ra tại Nghị quyết 36a, đạt được mục tiêu cải cách toàn diện 3 nhóm chỉ số dịch vụ công trực tuyến (OSI), hạ tầng viên thông và nguồn nhân lực (HCI). Nhìn chung việc triển khai Chính phủ điện tử chưa đạt được như mong muốn của lãnh đạo Đảng, lãnh đạo Chính phủ. Vị trí của Việt Nam trong Bảng xếp hạng Chỉ số phát triển Chính phủ điện tử của Liên Hợp quốc vẫn ở mức trung

binh, theo báo cáo mới nhất của Liên Hợp quốc, 2 năm qua, chúng ta tăng 1 bậc, đang xếp thứ 88 trong tổng số 193 quốc gia và lãnh thổ được đánh giá. Trong khu vực ASEAN, Việt Nam chỉ được xếp hạng khiêm tốn ở vị trí thứ 6⁽⁶⁾. Kết quả triển khai nhiều nhiệm vụ về Chính phủ điện tử còn rất chậm và nhiều nơi thực hiện mang tính hình thức. Việc xây dựng triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia, hạ tầng công nghệ thông tin làm nền tảng phục vụ phát triển Chính phủ điện tử rất chậm so với tiến độ cần có; các hệ thống thông tin dữ liệu còn cục bộ, chưa có kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin; chất lượng dữ liệu và thông tin chưa được cập nhật kịp thời, chính xác; nhiều hệ thống thông tin đã triển khai chưa bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, mức độ tin cậy của quốc gia trong giao dịch điện tử thấp. Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến còn chạy theo số lượng trong khi tỷ lệ hồ sơ thực hiện dịch vụ công trực tuyến còn rất thấp; việc giải quyết thủ tục hành chính và xử lý hồ sơ công việc còn mang nặng tính thủ công, giấy tờ. Còn những rào cản trong cơ chế đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin gây khó khăn cho các doanh nghiệp trong triển khai các dự án. Điều này dẫn đến tình trạng nhiều lãnh đạo Chính phủ, bộ, ngành, địa phương còn chưa có đầy đủ thông tin dữ liệu số của các đối tượng mình quản lý.

Nguyên nhân chủ yếu của vấn đề trên là do nhiều cấp, nhiều ngành chưa xác định rõ lộ trình và các nhiệm vụ cụ thể để triển khai, còn thiếu gắn kết giữa ứng dụng công nghệ thông tin với cải cách thủ tục hành chính và đổi mới lề lối, phương thức làm việc, nhất là trong quan hệ với người dân, doanh nghiệp; chưa phát huy vai trò của người đứng đầu trong chỉ đạo thực hiện. Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa

các cơ quan hành chính nhà nước cũng như quy định về cơ chế tích hợp, chia sẻ dữ liệu còn thiếu; thói quen cát cứ dữ liệu còn tồn tại ở nhiều cơ quan; việc bảo đảm an toàn, an ninh cho các hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước còn chưa được quan tâm đúng mức. Đặc biệt, chúng ta còn thiếu khung pháp lý đồng bộ về xây dựng Chính phủ điện tử, thiếu quy định cụ thể về xác thực cá nhân, tổ chức trong các giao dịch điện tử cũng như các quy định pháp lý về văn thư, lưu trữ điện tử, giá trị pháp lý của văn bản điện tử trong giao dịch hành chính và thanh toán. Cơ chế bảo đảm thực thi nhiệm vụ xây dựng Chính phủ điện tử chưa đủ mạnh cũng là nguyên nhân của việc thực hiện còn thiếu hiệu quả và mang nặng tính hình thức. Chúng ta cũng chưa phát huy tối đa sự tham gia của khu vực tư nhân trong xây dựng Chính phủ điện tử và thiếu cơ chế tài chính và đầu tư phù hợp với đặc thù dự án công nghệ thông tin.

3. Những thuận lợi và vấn đề đặt ra của quản lý nhà nước trong nền kinh tế số ở Việt Nam

a. Những thuận lợi cho phát triển và quản lý nền kinh tế số ở Việt Nam

Việt Nam có dân số trẻ, nhanh nhạy trong nắm bắt công nghệ, nằm trong топ đầu các quốc gia có tốc độ tăng trưởng về số người dùng Internet, điện thoại thông minh, và sử dụng mạng xã hội. Chuyển đổi số, trong khi chưa cần đến một chiến lược ở cấp quốc gia và hành động của Chính phủ, thì thực chất khu vực tư nhân và người dân đã đi trước một bước.

Mặt khác, ngành viễn thông công nghệ thông tin đã tạo ra hạ tầng viễn thông 3G, 4G phủ 95% cả nước, sắp tới sẽ triển khai 5G, đây là một nền tảng quan trọng của nền kinh tế số ở Việt Nam.

Nhưng bên cạnh khía cạnh tích cực đó, ở cấp độ quốc gia, những vấn đề kinh tế - xã hội lớn của tiến trình số hóa đời sống đang ngày càng trở nên rõ hơn, vượt ra khỏi khả năng giải quyết của khu vực tư và cần đến bàn tay hành động của nhà nước. Và thực chất, không riêng gì Việt Nam, những vấn đề này cũng đã xuất hiện ở các quốc gia khác và trở thành bài toán chính sách chung ở cấp độ toàn cầu.

Để không bỏ lỡ cơ hội này, trước hết, Chính phủ phải tự đổi mới, chuyển đổi để trở thành một Chính phủ của thời đại 4.0, có đủ năng lực quản trị phát triển quốc gia trong thời đại số. Đồng thời, các cấp, các ngành và toàn xã hội cần có những thay đổi từ nhận thức đến hành động để phát huy được những thuận lợi do việc ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số mang lại và đáp ứng được những thách thức của thời đại kinh tế số. Với quyết tâm chính trị, thống nhất quan điểm "hành động nhanh, kết quả lớn, làm đâu chắc đấy", "ngĩ lớn, nghĩ tổng thể nhưng bắt đầu từ những việc nhỏ nhất nhưng có hiệu quả lớn". Chính phủ đã giao Văn phòng Chính phủ chủ trì soạn thảo Nghị quyết của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2025, xác định rõ mục tiêu, vai trò, trách nhiệm, lộ trình cụ thể và thiết lập hệ thống chỉ số giám sát hiệu quả thực thi, tránh tình trạng làm hình thức mà không bảo đảm yêu cầu.

b. Những vấn đề đặt ra trong quản lý nhà nước đối với nền kinh tế số ở Việt Nam

Thứ nhất, bảo vệ quyền riêng tư trên môi trường Internet của người dân. Vụ việc Facebook, qua vụ bê bối Cambridge Analytica - khi dữ liệu cá nhân của khoảng 80 triệu tài khoản người dùng Mỹ bị khai thác trái phép bởi các bên thứ ba - là đỉnh điểm khiến thế giới

phải giật mình nhìn lại về việc thông tin, dữ liệu cá nhân của mình đang được các doanh nghiệp quản lý và khai thác như thế nào. Tại Việt Nam, việc rò rỉ dữ liệu, mua bán và khai thác dữ liệu cá nhân cũng diễn ra phổ biến, trong đó các vụ việc nổi cộm liên quan đến cả những doanh nghiệp lớn.

Thứ hai, vấn đề tin giả, thông tin không chính xác và các phát ngôn cực đoan trên môi trường mạng xã hội. "Ngôi lê đôi mách" là thứ văn hóa nghìn năm của con người. Nhưng chuyện nói xấu, chuyện bịa đặt, trong môi trường "lũy tre làng" khi đưa lên mạng - vốn không biên giới, và tốc độ lan tỏa, chia sẻ nhanh như ánh sáng - trở thành vấn nạn không chỉ tổn hại lợi ích từng cá nhân, cộng đồng mà còn là toàn thể xã hội.

Ở Việt Nam, không chỉ Đảng, Nhà nước, không chỉ lãnh đạo bị tấn công bởi tin giả, thông tin gọi là "xấu, độc", mỗi người dân, cộng đồng cũng đang hứng chịu các vấn đề tương tự.

Nhưng cân bằng như thế nào giữa phát triển kinh tế (mạng xã hội là một nền tảng cho kinh doanh) và nhu cầu bảo vệ quan điểm, ý kiến cá nhân, và chia sẻ thông tin của người dùng; cân bằng thế nào giữa kiểm soát "phát ngôn cực đoan" và quyền tự do ngôn luận, tự do biểu đạt của người dân là bài toán không hề dễ giải và hiện chưa có câu trả lời.

Thứ ba, vấn đề kinh tế, trong đó tập trung vào quản lý, đặc biệt là vấn đề thu thuế thế nào với các hoạt động thương mại và cung cấp dịch vụ xuyên biên giới. Internet là không biên giới, lãnh thổ và địa lý trở thành tương đối khi ngôi ở đâu doanh nghiệp cũng có thể làm việc, kinh doanh. Cản trở lưu thông thông tin và dữ liệu là cát đường huyết mạch của kinh tế số. Nhưng thu thuế thế nào, đảm bảo quyền lợi cho người lao động thế nào khi Grab, Netflix,

Airbnb không ở Việt Nam nhưng lại kinh doanh ở Việt Nam?

Và cuối cùng, vấn đề *thứ tư*, không phải là vấn đề của mọi quốc gia mà là vấn đề riêng của Việt Nam: hệ thống xử lý tranh chấp cho các hoạt động kinh doanh, thương mại, dân sự trên môi trường số. Hệ thống tư pháp vốn là điểm yếu cố hữu của Việt Nam và càng là vấn đề khi bước vào kỷ nguyên số. Bối tố độ và mức độ ảnh hưởng của tranh chấp nếu trong đời thực là 1 thì trên môi trường số sẽ lũy thừa lên n lần.

Không có một hệ thống tư pháp tốt để giải quyết tranh chấp, để bảo vệ công dân số thì coi chừng doanh nghiệp sẽ di cư sang một quốc gia có hệ thống tư pháp tốt hơn. Doanh nghiệp số thì biên giới tài phán cứng không còn ý nghĩa và đây không phải là cảnh báo suông, việc startup Việt chuộng sang Singapo đăng ký doanh nghiệp là minh chứng sống động.

Ngoài ra, một số tồn tại được chỉ ra như nền tảng kỹ thuật chia sẻ dữ liệu triển khai chậm, đặc biệt cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đậm chân tại chỗ; dịch vụ công trực tuyến thiết kế rời rạc, chưa lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, dẫn đến số lượng hồ sơ trực tuyến rất thấp, thậm chí một số dịch vụ không phát sinh hồ sơ.

Dịch vụ lán lộn giữa giấy tờ và trực tuyến, gây phiền hà cho người dân và công chức thực hiện. Nguồn nhân lực công nghệ thông tin mỏng và có xu hướng dịch chuyển sang khu vực tư. Bảo mật thấp. Có tình trạng cát cứ, không sẵn sàng chia sẻ, liên thông giữ liệu. Chưa có trách nhiệm giải trình của người đứng đầu...

4. Một số giải pháp quản lý nhà nước trong nền kinh tế số ở Việt Nam

Thứ nhất, đẩy nhanh việc xây dựng, hoàn thiện thể chế tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, toàn

diện cho việc triển khai, xây dựng phát triển Chính phủ điện tử.

Theo kinh nghiệm các quốc gia phát triển về Chính phủ điện tử, nền tảng thể chế Chính phủ điện tử phải đi trước, trong khi chúng ta còn thiếu nhiều quy định và chính sách. Do vậy cần sớm ban hành các Nghị định về chia sẻ dữ liệu; về bảo vệ dữ liệu cá nhân; về xác thực điện tử; về bảo vệ dữ liệu cá nhân và bảo đảm quyền riêng tư của cá nhân; về chế độ báo cáo giữa các cơ quan hành chính nhà nước. Khẩn trương ban hành Nghị định về đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với đặc thù của lĩnh vực này, thay thế Nghị định số 102/2009/NĐ-CP về đầu tư ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước và Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về thuê dịch vụ công nghệ thông tin. Trong thời gian tới cần nghiên cứu, đề xuất xây dựng Luật Chính phủ điện tử và các văn bản hướng dẫn bảo đảm hành lang pháp lý phát triển Chính phủ điện tử dựa trên dữ liệu mở, ứng dụng các công nghệ mới hướng tới nền kinh tế số, xã hội số.

Thứ hai, hoàn thành các cơ sở dữ liệu quốc gia mang tính chất nền tảng.

Song song với việc xây dựng các thể chế, cần tập trung hoàn thiện xây dựng các cơ sở dữ liệu nền tảng quốc gia, đặc biệt là cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai... Và để bảo đảm hiệu quả sử dụng của các cơ sở dữ liệu quốc gia này cần tiến hành xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin ở Trung ương và địa phương; hệ thống liên thông gửi, nhận văn bản điện tử; hệ thống xác thực định danh điện tử; liên thông giữa các hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng của Chính phủ và chữ ký số công cộng; Cổng thanh toán quốc gia... để bảo đảm dữ liệu, thông tin được thông suốt giữa các cấp Chính phủ.

Thứ ba, thiết lập các hệ thống ứng dụng phục vụ người dân, doanh nghiệp và phục vụ quản lý điều hành của Chính phủ.

Theo đó, Văn phòng Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương đang tích cực trong việc xây dựng Cổng dịch vụ công quốc gia và triển khai Hệ thống thông tin một cửa điện tử kết nối Cổng dịch vụ công bộ, ngành, địa phương; đây là hệ thống quan trọng để kết nối Chính phủ với người dân và doanh nghiệp, thể hiện tinh thần phục vụ của Chính phủ. Cổng dịch vụ công quốc gia cần tiến tới là một hiện diện số nhất quán, đầy đủ và thân thiện của Chính phủ phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Để phục vụ việc quản lý, điều hành của Chính phủ, thời gian tới, các Hệ thống thông tin Chính phủ không giấy tờ; Hệ thống điện tử về tham vấn chính sách; Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia tiến tới xây dựng Trung tâm chỉ đạo, điều hành của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đang được tập trung nghiên cứu, thiết lập.

Thứ tư, rà soát, sắp xếp lại và huy động mọi nguồn lực cả về tài chính và con người.

Trong những năm qua, Chính phủ đã có những đầu tư nhất định trong việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin. Tuy nhiên, các dự án đầu tư vẫn còn phân tán chưa tạo ra được thay đổi mang tính nền tảng nhằm xây dựng Chính phủ điện tử. Thời gian tới, để nâng cao hiệu quả đầu tư, cần rà soát, sắp xếp lại và huy động các nguồn lực để triển khai các nhiệm vụ ưu tiên phát triển Chính phủ điện tử, điều chỉnh cơ chế đầu tư đặc thù cho công nghệ thông tin, tăng cường xã hội hóa để phát huy hiệu quả hợp tác công - tư trong công tác này. Đồng thời, cần tổ chức đào tạo, tập huấn, khai thác sử dụng các hệ thống thông tin, sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 cho người dân, doanh nghiệp và

nghiên cứu, xây dựng cơ chế khuyến khích thu hút nhân tài tham gia xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử.

Thứ năm, phát huy vai trò người đứng đầu, nâng cao hiệu quả thực thi và trách nhiệm giải trình

Thể hiện quyết tâm xây dựng Chính phủ điện tử, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo việc thành lập Ủy ban quốc gia về Chính phủ điện tử trên cơ sở kiện toàn Ủy ban quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin do Thủ tướng Chính phủ là Chủ tịch Ủy ban. Ủy ban có các thành viên là Bộ trưởng các bộ liên quan trực tiếp tới các nhiệm vụ trong xây dựng Chính phủ điện tử để gắn kết xuyên suốt các bộ, ngành, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ. Đồng thời, Ủy ban có sự tham gia của đại diện cho khu vực tư nhân giúp phát huy hiệu quả hợp tác công - tư trong triển khai thực hiện nhiệm vụ này. Các nhiệm vụ triển khai Chính phủ điện tử sẽ được đánh giá gắn liền với trách nhiệm cá nhân người đứng đầu từng bộ, ngành, địa phương và được đo lường qua bộ chỉ tiêu đánh giá hiệu quả, đo lường chất lượng kết quả xây dựng Chính phủ điện tử để bảo đảm tính chính xác và công bằng thông qua Tổ công tác giúp việc của Ủy ban □

(1) <https://unitrain.edu.vn>, “Kinh tế số là gì?”

(2) <https://vov.vn>, “Nền kinh tế số của Việt Nam có thể sẽ kém cạnh tranh hơn”.

(3) <https://idtvietnam.vn>, “Vị trí Việt Nam trong nền kinh tế số hóa toàn cầu”.

(4), (5) egov.chinhphu.vn, “Phát triển chính phủ điện tử trong cách mạng công nghiệp lần thứ 4”.

(6) tapchitaichinh.vn, “Chính phủ điện tử Việt Nam xếp hàng 88 trên thế giới”, ngày 6-11-2018.